

Số: 66/QĐ-PCH

Hóc Môn, ngày 26 tháng 10 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy chế kiểm tra, đánh giá học sinh
Trường THCS PHAN CÔNG HÓN – Năm học 2022 - 2023**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ PHAN CÔNG HÓN

Căn cứ nhiệm vụ và quyền hạn của Hiệu trưởng được quy định tại Khoản 1, Điều 11 - Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 về ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Thông tư 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 12 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh Trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông;

Căn cứ Thông tư 26/2020/TT-BGDĐT, ngày 26 tháng 8 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông;

Căn cứ Thông tư 22/2020/TT-BGDĐT, ngày 20 tháng 7 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy chế đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông;

Căn cứ Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2022-2023,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế kiểm tra, đánh giá học sinh trường Trung học cơ sở Phan Công Hón năm học 2022-2023;

Điều 2. Quy chế kiểm tra, đánh giá học sinh trường THCS Phan Công Hón được thống nhất áp dụng thực hiện từ tháng 10/2022 đến khi ban hành Quy chế kiểm tra, đánh giá học sinh mới hoặc khi có điều chỉnh một số Điều, Khoản phù hợp và đúng quy định mới;

Điều 3. Giáo viên bộ môn, giáo viên chủ nhiệm, học sinh và các Ông, Bà là cán bộ quản lý, cán bộ phụ trách công thông tin điện tử nhà trường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Nơi nhận :

- Như Điều 3;
- Lưu: VT.



QUY CHẾ
KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ HỌC SINH TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HÓN
Năm học 2022 - 2023

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 66 /QĐ-PCH, ngày 26 tháng 10 năm 2022
của Hiệu trưởng trường THCS Phan Công Hón)*

CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

Quy chế này quy định về tổ chức các đợt kiểm tra thường xuyên, tập trung (kiểm tra giữa kỳ, kiểm tra cuối kỳ) tại Trường THCS Phan Công Hón, bao gồm: chuẩn bị cho kì kiểm tra; công tác ra đề kiểm tra; coi kiểm tra; chấm kiểm tra và phúc khảo; đánh giá, xếp loại; quản lý điểm; khen thưởng, kỷ luật).

Điều 2. Mục đích, yêu cầu

Đánh giá nhằm xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ rèn luyện và học tập của học sinh theo yêu cầu cần đạt được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông; cung cấp thông tin chính xác, kịp thời để học sinh điều chỉnh hoạt động rèn luyện và học tập, cán bộ quản lý giáo dục và giáo viên điều chỉnh hoạt động dạy học.

Đánh giá bảo đảm tính chính xác, toàn diện, công bằng, trung thực và khách quan.

Đánh giá bằng nhiều phương pháp, hình thức, kỹ thuật và công cụ khác nhau; kết hợp giữa đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì.

Đánh giá vì sự tiến bộ của học sinh; coi trọng việc động viên, khuyến khích sự cố gắng trong rèn luyện và học tập của học sinh; không so sánh học sinh với nhau.

Kiểm tra, đánh giá quá trình tổ chức dạy học và giáo dục của nhà trường qua đó đánh giá đúng thực chất năng lực, trình độ của mỗi học sinh và hiệu quả giảng dạy của mỗi giáo viên.

Nhằm giúp cho việc kiểm tra, đánh giá của nhà trường cuối mỗi học kì và cuối năm học.

CHƯƠNG II
CÔNG TÁC KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

Điều 3. Hình thức đánh giá

1. Thực hiện theo Thông tư 26/2020/TT-BGDĐT đối với khối lớp 8, lớp 9

- Đánh giá bằng nhận xét kết quả học tập đối với các môn học: Âm nhạc, Mỹ thuật, Thể dục; kết quả học tập theo môn học được đánh giá bằng nhận xét theo 01

trong 02 mức: Đạt, Chưa đạt.

- Kết hợp giữa đánh giá bằng nhận xét và đánh giá bằng điểm số đối với các môn học còn lại:

+ Đánh giá bằng nhận xét sự tiến bộ về thái độ, hành vi và kết quả thực hiện các nhiệm vụ học tập của học sinh trong quá trình học tập môn học, hoạt động giáo dục quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông 2006 (Chương trình GDPT 2006).

+ Đánh giá bằng điểm số kết quả thực hiện các yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng đối với môn học quy định trong Chương trình GDPT 2006. Kết quả đánh giá theo thang điểm 10, nếu sử dụng thang điểm khác thì phải quy đổi về thang điểm 10.

2. Thực hiện theo Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT đối với khối lớp 6, lớp 7

- Đánh giá bằng nhận xét kết quả học tập đối với các môn học: Giáo dục thể chất, Nghệ thuật, Âm nhạc, Mĩ thuật, nội dung giáo dục của địa phương, Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; kết quả học tập theo môn học được đánh giá bằng nhận xét theo 01 trong 02 mức: Đạt, Chưa đạt.

- Đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số đối với các môn học còn lại trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018 (Chương trình GDPT 2018); kết quả học tập theo môn học được đánh giá bằng điểm số theo thang điểm 10, nếu sử dụng thang điểm khác thì phải quy đổi về thang điểm 10. Điểm đánh giá là số nguyên hoặc số thập phân được lấy đến chữ số thập phân thứ nhất sau khi làm tròn số.

Điều 4. Các loại bài kiểm tra, đánh giá

1. Thực hiện theo Thông tư 26/2020/TT-BGDĐT đối với khối lớp 8, lớp 9

1.1. Kiểm tra, đánh giá thường xuyên

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên được thực hiện trong quá trình dạy học và giáo dục, nhằm đánh giá quá trình và kết quả thực hiện các nhiệm vụ học tập, rèn luyện của học sinh theo chương trình môn học, hoạt động giáo dục trong Chương trình GDPT 2006.

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên được thực hiện theo hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến thông qua: hỏi - đáp, viết, thuyết trình, thực hành, thí nghiệm, sản phẩm học tập.

- Số lần kiểm tra, đánh giá thường xuyên không giới hạn bởi số điểm kiểm tra, đánh giá thường xuyên.

1.2. Kiểm tra, đánh giá định kì

- Đánh giá định kì được thực hiện sau mỗi giai đoạn giáo dục nhằm đánh giá kết quả học tập, rèn luyện và mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của học sinh theo chương trình môn học, hoạt động giáo dục quy định.

- Đánh giá định kì, gồm đánh giá giữa kì và đánh giá cuối kì, được thực hiện thông qua: bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính), bài thực hành, dự án học tập.

+ Thời gian làm bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính) đối với môn học từ 45 phút đến 90 phút, đối với môn chuyên tối đa 120 phút. Đề kiểm tra được xây dựng dựa trên ma trận, đặc tả của đề, đáp ứng theo yêu cầu cần đạt của môn học, hoạt động giáo dục quy định.

+ Đối với bài thực hành, dự án học tập phải có hướng dẫn và tiêu chí đánh giá và thông báo cho người học trước khi thực hiện.

2. Thực hiện theo Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT đối với khối lớp 6, lớp 7

2.1. Kiểm tra, đánh giá thường xuyên

Kiểm tra, đánh giá thường xuyên được thực hiện trong quá trình dạy học và giáo dục, nhằm đánh giá quá trình và kết quả thực hiện các nhiệm vụ học tập, rèn luyện của học sinh theo chương trình môn học, hoạt động giáo dục trong Chương trình GDPT 2018.

Kiểm tra, đánh giá thường xuyên được thực hiện theo hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến thông qua: hỏi - đáp, viết, thuyết trình, thực hành, thí nghiệm, sản phẩm học tập.

Đối với một môn học, mỗi học sinh được kiểm tra, đánh giá nhiều lần, trong đó chọn một số lần kiểm tra, đánh giá phù hợp với tiến trình dạy học theo kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn, ghi kết quả đánh giá vào sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học) để sử dụng trong việc đánh giá kết quả học tập môn học như sau:

+ Đối với môn học đánh giá bằng nhận xét (không bao gồm cụm chuyên đề học tập): mỗi học kì chọn 02 lần.

+ Đối với môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số (không bao gồm cụm chuyên đề học tập), chọn số điểm đánh giá thường xuyên theo đúng quy định.

+ Đối với cụm chuyên đề học tập của môn học ở cấp trung học phổ thông, mỗi học sinh được kiểm tra, đánh giá theo từng chuyên đề học tập, trong đó chọn kết quả của 01 lần kiểm tra, đánh giá làm kết quả đánh giá của cụm chuyên đề học tập. Kết quả đánh giá của cụm chuyên đề học tập của môn học được tính là kết quả của 01 lần đánh giá thường xuyên của môn học đó và ghi vào sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học) để sử dụng trong việc đánh giá kết quả học tập môn học

theo quy định.

2.2. Kiểm tra, đánh giá định kì

Đánh giá định kì (không thực hiện đối với cụm chuyên đề học tập), gồm đánh giá giữa kì và đánh giá cuối kì, được thực hiện thông qua: bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính), bài thực hành, dự án học tập.

+ Thời gian làm bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính) đối với môn học (không bao gồm cụm chuyên đề học tập) có từ 70 tiết/năm học trở xuống là 45 phút, đối với môn học (không bao gồm cụm chuyên đề học tập) có trên 70 tiết/năm học từ 60 phút đến 90 phút; đối với môn chuyên tối đa 120 phút.

+ Đối với bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính) đánh giá bằng điểm số, đề kiểm tra được xây dựng dựa trên ma trận, đặc tả của đề kiểm tra, đáp ứng theo yêu cầu cần đạt của môn học được quy định trong Chương trình GDPT 2018.

+ Đối với bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính) đánh giá bằng nhận xét, bài thực hành, dự án học tập, phải có hướng dẫn và tiêu chí đánh giá theo yêu cầu cần đạt của môn học được quy định trong Chương trình GDPT 2018 trước khi thực hiện.

Trong mỗi học kì, mỗi môn học đánh giá bằng nhận xét có 01 lần đánh giá giữa kì và 01 lần đánh giá cuối kì.

Trong mỗi học kì, mỗi môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số có 01 điểm đánh giá giữa kì và 01 điểm đánh giá cuối kì.

Những học sinh không tham gia kiểm tra, đánh giá đủ số lần theo quy định nếu có lý do bất khả kháng thì được kiểm tra, đánh giá bổ sung với yêu cầu cần đạt tương đương với lần kiểm tra, đánh giá còn thiếu. Việc kiểm tra, đánh giá bù được thực hiện theo từng học kì.

Trường hợp học sinh không tham gia kiểm tra, đánh giá bổ sung theo quy định thì được đánh giá mức Chưa đạt hoặc nhận 0 (không) điểm đối với lần kiểm tra, đánh giá còn thiếu.

Điều 5. Hệ số điểm kiểm tra, đánh giá thường xuyên và định kỳ

- Điểm kiểm tra, đánh giá thường xuyên (viết tắt là ĐĐGtx): tính hệ số 1;
- Điểm kiểm tra, đánh giá giữa kì (viết tắt là ĐĐGgk): tính hệ số 2;
- Điểm kiểm tra, đánh giá cuối kì (viết tắt là ĐĐGck): tính hệ số 3.

Điều 6. Số điểm kiểm tra, đánh giá và cách cho điểm

1. Trong mỗi học kì, số ĐĐGtx, ĐĐGgk và ĐĐGck của một học sinh đối với từng môn học, hoạt động giáo dục (bao gồm cả chủ đề tự chọn) như sau:

- Môn học có từ 35 tiết trở xuống/năm học: 2 ĐĐGtx;
- Môn học có từ trên 35 tiết đến 70 tiết/năm học: 3 ĐĐGtx;
- Môn học có từ trên 70 tiết/năm học: 4 ĐĐGtx.

2. Trong mỗi học kì, một môn học có 01 (một) ĐĐGgk và 01 (một) ĐĐGck; Cụ thể các cột điểm kiểm tra quy định của từng môn (Đính kèm)

Điều 7. Tiêu chuẩn xếp loại học kỳ và xếp loại cả năm học

1. Đối với khối 8,9 năm học 2022 – 2023 (Thực hiện theo Thông tư 26)

* **Loại giỏi**, nếu có đủ các tiêu chuẩn sau đây:

a) Điểm trung bình các môn học từ 8,0 trở lên, trong đó điểm trung bình của **1 trong 3 môn Toán, Ngữ văn và Tiếng Anh** từ 8,0 trở lên;

b) Không có môn học nào điểm trung bình dưới 6,5.

c) Các môn học đánh giá bằng nhận xét đạt loại Đ.

* **Loại khá**, nếu có đủ các tiêu chuẩn sau đây:

a) Điểm trung bình các môn học từ 6,5 trở lên, trong đó điểm trung bình của **1 trong 3 môn Toán, Ngữ văn và Tiếng Anh** từ 6,5 trở lên;

b) Không có môn học nào điểm trung bình dưới 5,0.

c) Các môn học đánh giá bằng nhận xét đạt loại Đ.

* **Loại trung bình**, nếu có đủ các tiêu chuẩn sau đây:

a) Điểm trung bình các môn học từ 5,0 trở lên, trong đó điểm trung bình của **1 trong 3 môn Toán, Ngữ văn và Tiếng Anh** từ 5,0 trở lên;

b) Không có môn học nào điểm trung bình dưới 3,5.

c) Các môn học đánh giá bằng nhận xét đạt loại Đ.

* **Loại yếu**: Điểm trung bình các môn học từ 3,5 trở lên, không có môn học nào điểm trung bình dưới 2,0.

* **Loại kém**: Các trường hợp còn lại.

* **Nếu $ĐTB_{hk}$ hoặc $ĐTB_{cn}$ đạt mức của từng loại quy định tại các Khoản 1, 2 điều này nhưng do kết quả của một môn học nào đó thấp hơn mức quy định cho loại đó nên học lực bị xếp thấp xuống thì được điều chỉnh như sau:**

a) Nếu $ĐTB_{hk}$ hoặc $ĐTB_{cn}$ đạt mức **loại G** nhưng do kết quả của **duy nhất** một môn học nào đó mà *phải xuống loại Tb* thì được điều chỉnh xếp loại *K*.

b) Nếu $ĐTB_{hk}$ hoặc $ĐTB_{cn}$ đạt mức **loại G** nhưng do kết quả của **duy nhất** một môn học nào đó mà *phải xuống loại Y* thì được điều chỉnh xếp loại *Tb*.

c) Nếu $ĐTB_{hk}$ hoặc $ĐTB_{cn}$ đạt mức **loại K** nhưng do kết quả của **duy nhất** một môn học nào đó mà *phải xuống loại Y* thì được điều chỉnh xếp loại *Tb*.

d) Nếu $ĐTB_{hk}$ hoặc $ĐTB_{cn}$ đạt mức **loại K** nhưng do kết quả của **duy nhất** một môn học nào đó mà *phải xuống loại Kém* thì được điều chỉnh xếp loại *Y*.

2. Đối với học sinh Khối 6,7 năm học 2022-2023 (Thực hiện theo Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 7 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

2.1 Đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh

a) Đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh căn cứ vào yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và năng lực chung theo các mức độ phù hợp với môn học, cấp học

quy định trong Chương trình tổng thể và yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù quy định trong Chương trình môn học trong Chương trình giáo dục phổ thông.

b) Giáo viên môn học căn cứ quy định tại điểm a khoản này nhận xét, đánh giá kết quả rèn luyện, sự tiến bộ, ưu điểm nổi bật, hạn chế chủ yếu của học sinh trong quá trình rèn luyện và học tập môn học.

c) Giáo viên chủ nhiệm căn cứ quy định tại điểm a khoản này theo dõi quá trình rèn luyện và học tập của học sinh; tham khảo nhận xét, đánh giá của giáo viên môn học, thông tin phản hồi của cha mẹ học sinh, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong quá trình giáo dục học sinh; hướng dẫn học sinh tự nhận xét; trên cơ sở đó nhận xét, đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh theo các mức quy định tại khoản 2 Điều này.

*** Kết quả rèn luyện của học sinh trong từng học kì và cả năm học**

Kết quả rèn luyện của học sinh trong từng học kì và cả năm học được đánh giá theo 01 (một) trong 04 (bốn) mức: Tốt, Khá, Đạt, Chưa đạt.

a) Kết quả rèn luyện của học sinh trong từng học kì

- Mức Tốt: Đáp ứng tốt yêu cầu cần đạt về phẩm chất được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông và có nhiều biểu hiện nổi bật.

- Mức Khá: Đáp ứng yêu cầu cần đạt về phẩm chất được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông và có biểu hiện nổi bật nhưng chưa đạt được mức Tốt.

- Mức Đạt: Đáp ứng yêu cầu cần đạt về phẩm chất được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông.

- Mức Chưa đạt: Chưa đáp ứng được yêu cầu cần đạt về phẩm chất được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông.

b) Kết quả rèn luyện của học sinh cả năm học

- Mức Tốt: học kì II được đánh giá mức Tốt, học kì I được đánh giá từ mức Khá trở lên.

- Mức Khá: học kì II được đánh giá mức Khá, học kì I được đánh giá từ mức Đạt trở lên; học kì II được đánh giá mức Đạt, học kì I được đánh giá mức Tốt; học kì II được đánh giá mức Tốt, học kì I được đánh giá mức Đạt hoặc Chưa đạt.

- Mức Đạt: học kì II được đánh giá mức Đạt, học kì I được đánh giá mức Khá, Đạt hoặc Chưa đạt; học kì II được đánh giá mức Khá, học kì I được đánh giá mức Chưa đạt.

- Mức Chưa đạt: Các trường hợp còn lại.

2.2 Đánh giá kết quả học tập của học sinh

a) Đối với môn học đánh giá bằng nhận xét

- Trong một học kì, kết quả học tập mỗi môn học của học sinh được đánh giá theo 01 (một) trong 02 (hai) mức: Đạt, Chưa đạt.

+ Mức Đạt: Có đủ số lần kiểm tra, đánh giá theo quy định tại Thông tư này và tất cả các lần được đánh giá mức Đạt.

+ Mức Chưa đạt: Các trường hợp còn lại.

- Cả năm học, kết quả học tập mỗi môn học của học sinh được đánh giá theo 01 (một) trong 02 (hai) mức: Đạt, Chưa đạt.

+ Mức Đạt: Kết quả học tập học kì II được đánh giá mức Đạt.

+ Mức Chưa đạt: Kết quả học tập học kì II được đánh giá mức Chưa đạt.

b) Đối với môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số, ĐTBmhc được sử dụng để đánh giá kết quả học tập của học sinh trong từng học kì, ĐTBmcn được sử dụng để đánh giá kết quả học tập của học sinh trong cả năm học. Kết quả học tập của học sinh trong từng học kì và cả năm học được đánh giá theo 01 (một) trong 04 (bốn) mức: Tốt, Khá, Đạt, Chưa đạt.

* Mức Tốt

- Tất cả các môn học đánh giá bằng nhận xét được đánh giá mức Đạt.

- Tất cả các môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số có ĐTBmhc, ĐTBmcn từ 6,5 điểm trở lên, trong đó có ít nhất 06 môn học có ĐTBmhc, ĐTBmcn đạt từ 8,0 điểm trở lên.

* Mức Khá

- Tất cả các môn học đánh giá bằng nhận xét được đánh giá mức Đạt.

- Tất cả các môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số có ĐTBmhc, ĐTBmcn từ 5,0 điểm trở lên, trong đó có ít nhất 06 môn học có ĐTBmhc, ĐTBmcn đạt từ 6,5 điểm trở lên.

* Mức Đạt

- Có nhiều nhất 01 (một) môn học đánh giá bằng nhận xét được đánh giá mức Chưa đạt.

- Có ít nhất 06 (sáu) môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số có ĐTBmhc, ĐTBmcn từ 5,0 điểm trở lên; không có môn học nào có ĐTBmhc, ĐTBmcn dưới 3,5 điểm.

* Mức Chưa đạt: Các trường hợp còn lại.

c) Điều chỉnh mức đánh giá kết quả học tập

Nếu mức đánh giá kết quả học tập của học kì, cả năm học bị thấp xuống từ 02 (hai) mức trở lên so với mức đánh giá quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều này chỉ do kết quả đánh giá của duy nhất 01 (một) môn học thì mức đánh giá kết quả học tập của học kì đó, cả năm học đó được điều chỉnh lên mức liền kề.

3. Đánh giá đối với học sinh khuyết tật

Việc đánh giá kết quả rèn luyện và học tập của học sinh khuyết tật được thực hiện theo nguyên tắc đồng viên, khuyến khích sự nỗ lực và sự tiến bộ của học sinh là chính.

Đối với học sinh khuyết tật học tập theo phương thức giáo dục hòa nhập, kết quả rèn luyện và học tập môn học mà học sinh khuyết tật có khả năng đáp ứng được theo yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông thì được đánh giá như đối với học sinh bình thường nhưng có giảm nhẹ yêu cầu về kết quả rèn luyện và học tập. Những môn học mà học sinh khuyết tật không có khả năng đáp ứng theo yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông thì được đánh giá kết quả thực hiện rèn luyện và học tập theo Kế hoạch giáo dục cá nhân; không kiểm tra, đánh giá những nội dung môn học hoặc môn học được miễn.

Điều 8. Cách tính điểm trung bình môn học kỳ

1. Đối với khối 8,9: Điểm trung bình môn học kỳ (viết tắt là ĐTB_{mhk}) là trung bình cộng của điểm kiểm tra, đánh giá thường xuyên, điểm kiểm tra, đánh giá giữa kỳ và điểm kiểm tra, đánh giá cuối kỳ với các hệ số quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư 26 như sau:

$$\text{ĐTB}_{\text{mhk}} = \frac{\text{TĐĐG}_{\text{tx}} + 2 \times \text{ĐĐG}_{\text{gk}} + 3 \times \text{ĐĐG}_{\text{ck}}}{\text{Số ĐĐG}_{\text{tx}} + 5}$$

TĐĐG_{tx}: Tổng điểm kiểm tra, đánh giá thường xuyên.

2. Đối với khối 6,7 năm học 2022-2023 (Thực hiện theo Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 7 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

- Điểm trung bình môn học kỳ (sau đây viết tắt là ĐTB_{mhk}) đối với mỗi môn học được tính như sau:

$$\text{ĐTB}_{\text{mhk}} = \frac{\text{TĐĐG}_{\text{tx}} + 2 \times \text{ĐĐG}_{\text{gk}} + 3 \times \text{ĐĐG}_{\text{ck}}}{\text{Số ĐĐG}_{\text{tx}} + 5}$$

TĐĐG_{tx}: Tổng điểm đánh giá thường xuyên.

- Điểm trung bình môn cả năm (viết tắt là ĐTB_{mcn}) được tính như sau:

$$\text{ĐTB}_{\text{mcn}} = \frac{\text{ĐTB}_{\text{mhkI}} + 2 \times \text{ĐTB}_{\text{mhkII}}}{3}$$

ĐTB_{mhkI}: Điểm trung bình môn học kỳ I.

ĐTB_{mhkII}: Điểm trung bình môn học kỳ II.

Điều 9. Tổ chức kiểm tra, đánh giá định kì

- Tổ chức các kì kiểm tra định kì nghiêm túc, đúng quy định, đúng lịch kiểm tra thông nhất, đúng thời lượng quy định, đúng nội dung và hình thức theo yêu cầu; đảm bảo kiểm tra được mục tiêu đánh giá được năng lực toàn diện của học sinh. Trước khi kiểm tra đánh giá, giáo viên và nhà trường cần xác định được mục tiêu năng lực cần kiểm tra đánh giá, đảm bảo phù hợp mục tiêu giáo dục của nhà trường và của môn học hoặc hoạt động giáo dục. Xác định hình thức kiểm tra đánh giá phải đáp ứng được yêu cầu về phát triển năng lực của học sinh.

- Biên soạn đề kiểm tra định kì: áp dụng hướng dẫn biên soạn đề kiểm tra theo công văn số 3333/GDDT-TrH ngày 09 tháng 10 năm 2020 của Sở GDĐT về hướng dẫn biên soạn đề kiểm tra định kì và tổ chức kiểm tra, đánh giá định kì năm học 2020 - 2021.

- Đề kiểm tra phải bảo đảm yêu cầu bảo mật; nội dung kiểm tra phải theo tiến độ bài dạy ở kỳ kiểm tra và theo chuẩn kiến thức kỹ năng của chương trình; xây dựng đề kiểm tra theo ma trận đề, đáp án phải phù hợp với trình độ, đối tượng học sinh, phù hợp thời gian làm bài và chương trình học, bảo đảm tính chính xác; Tránh ra đề yêu cầu quá cao hoặc thấp so với mức độ của chương trình và không phù hợp với trình độ, đối tượng học sinh.

- Thời gian kiểm tra định kì của năm học 2022 – 2023.

+ Kiểm tra đánh giá giữa kì 1: Sau tuần thứ 8 của học kì 1.

+ Kiểm tra đánh giá cuối kì 1: Thời điểm hoàn thành ngày 07/01/2023.

+ Kiểm tra đánh giá giữa kì 2: Sau tuần thứ 7 của học kì 2.

+ Kiểm tra đánh giá cuối kì 2: Thời điểm hoàn thành ngày 20/05/2023.

- Đối với các môn học, hoạt động giáo dục có tiến trình dạy học khác với tiến trình chung, tiến độ thực hiện kiểm tra đánh giá giữa kì, cuối kì được nhà trường xây dựng đảm bảo phù hợp với tiến trình dạy học của môn học, hoạt động giáo dục được quy định trong chương trình đồng thời đảm bảo thời điểm hoàn thành theo Quyết định số 2708/QĐ-UBND ngày 10 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 10. Nội dung, cấu trúc đề kiểm tra

- Nội dung đề kiểm tra được xây dựng dựa trên ma trận đặc tả của đề kiểm tra, đáp ứng theo yêu cầu cần đạt của môn học được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông.

- Hình thức, cấu trúc đề kiểm tra (tự luận, trắc nghiệm, trắc nghiệm kết hợp tự luận, tỉ lệ các mức độ câu hỏi, ...) do Hiệu trưởng quyết định sau khi họp thống

nhất với Tổ chuyên môn; đảm bảo được đánh giá, phân loại học sinh theo quy định của Thông tư 26/2020/TT-BGDĐT, Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT và theo quy chế kiểm tra đánh giá của nhà trường.

- Trước ngày kiểm tra 14 ngày, tổ trưởng chuyên môn họp tổ và thống nhất cụ thể nội dung, cấu trúc đề kiểm tra và ghi biên bản trong sổ chuyên môn tổ.

- Kiểm tra Học kỳ I và Học kỳ II (Theo văn bản của Sở Giáo dục và Phòng Giáo dục Đào tạo hướng dẫn).

- Phòng Giáo dục và Đào tạo: hướng dẫn, giám sát kiểm tra đánh giá cuối kỳ của cấp THCS trên địa bàn huyện mình quản lý (kể cả các trường có nhiều cấp học). Phòng Giáo dục và Đào tạo tổ chức kiểm tra cuối kỳ tập trung 3 môn: Toán, Văn, Ngoại ngữ, các môn còn lại Phòng hướng dẫn, tập huấn và kiểm tra giám sát nhà trường xây dựng ma trận, xây dựng đề theo Văn bản 8773/BGDĐT-GDTrH.

- Ma trận và đề kiểm tra giữa kỳ học kỳ 1: trước ngày 30/11/2022;

- Ma trận và đề kiểm tra giữa kỳ học kỳ 2: trước ngày 30/3/2023;

- Ma trận và đề kiểm tra cuối kỳ học kỳ 1 và học kỳ 2, sau 10 ngày kết thúc kiểm tra cuối kỳ.

(Trường có kế hoạch kiểm tra học kỳ của trường).

Điều 11. Yêu cầu của đề kiểm tra

Đề kiểm tra của kỳ kiểm tra tập trung phải đạt các yêu cầu:

- Nội dung đề kiểm tra nằm trong chương trình trung học cơ sở hiện hành và đúng theo cấu trúc đề tổ chuyên môn đã thống nhất.

- Căn cứ chuẩn kiến thức, kỹ năng trong chương trình và hướng dẫn thực hiện điều chỉnh nội dung giáo dục phổ thông của Bộ Giáo dục và Đào tạo, không kiểm tra những nội dung vượt quá yêu cầu cần đạt hoặc mức độ cần đạt của chương trình giáo dục phổ thông; không kiểm tra đối với các nội dung phải thực hiện tinh giản và các nội dung hướng dẫn học sinh tự học, tự làm, tự thực hiện, không yêu cầu, những nội dung yêu cầu học sinh thực hành, thí nghiệm.

- Nội dung kiểm tra phải đảm bảo tính chính xác, câu hỏi rõ ràng, nội dung các câu hỏi theo tiến độ bài dạy (trước ngày kiểm tra 01 tuần), phù hợp chuẩn kiến thức và kỹ năng chương trình. Chú ý có các câu hỏi vận dụng, câu hỏi liên hệ với thực tiễn cuộc sống với tỉ lệ phù hợp.

- Đề kiểm tra và đáp án của mỗi môn kiểm tra thuộc danh mục tài liệu tối mật theo qui định hiện hành cho đến thời điểm hết giờ làm bài của môn kiểm tra đó.

CHƯƠNG III

CÔNG TÁC COI KIỂM TRA

Điều 12. Hội đồng coi kiểm tra

1. Hiệu trưởng ra quyết định phân công cán bộ, giáo viên thực hiện các công việc chuẩn bị và coi kiểm tra trong mỗi đợt coi kiểm tra tập trung (trước ngày kiểm tra 01 tuần).
2. Thành phần Hội đồng coi kiểm tra
 - a. Chủ tịch Hội đồng coi kiểm tra: Hiệu trưởng hoặc Phó hiệu trưởng.
 - b. Phó Chủ tịch Hội đồng coi kiểm tra: Tổ trưởng chuyên môn.
 - c. Thư ký Hội đồng coi kiểm tra: Một thành viên trong giám thị văn phòng.
 - d. Thanh tra nhân dân: Một thành viên trong Ban thanh tra nhân dân.
 - e. Cán bộ coi thi: Giáo viên bộ môn.
3. Nhiệm vụ và quyền hạn của các thành viên Hội đồng coi kiểm tra.
 - a. Chủ tịch Hội đồng coi kiểm tra: Điều hành và chịu trách nhiệm về toàn bộ công việc của Hội đồng coi kiểm tra.
 - b. Phó Chủ tịch Hội đồng coi kiểm tra: Giúp Chủ tịch Hội đồng coi kiểm tra trong công tác điều hành.
 - c. Thư ký Hội đồng coi kiểm tra: Giúp Chủ tịch Hội đồng coi kiểm tra chuẩn bị các loại hồ sơ, soạn thảo các văn bản, các bản biểu cần thiết.
 - d. Giám thị: thực hiện công tác coi kiểm tra theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng coi kiểm tra.

CHƯƠNG IV

CHẤM KIỂM TRA – TRẢ BÀI KIỂM TRA

Điều 13. Chấm kiểm tra và trả bài kiểm tra

Kết thúc kiểm tra Phó hiệu trưởng chỉ đạo bộ phận văn phòng làm phách. Thực hiện việc cắt phách sau khi đã lên mã phách. Phó hiệu trưởng chuyên môn bảo mật phần phách.

Tổ trưởng chuyên môn nộp đáp án (sau khi đã thống nhất trong nhóm, tổ chuyên môn) và nhận bài kiểm tra của học sinh tại phòng thực hành; Phân công giáo viên bộ môn trong tổ chấm bài và nhập điểm trên phần mềm VietShool (trễ nhất là 01 tuần sau ngày kiểm tra).

Giáo viên chấm bài đúng đáp án biểu điểm, gạch chéo tất cả những phần giấy trắng còn thừa do học sinh không viết hết và tuyệt đối không ghi gì vào bài làm của học sinh. Giáo viên chấm trực tiếp ghi điểm toàn bộ bài vào ô qui định của tờ bài làm, ghi điểm thành phần (vào phần lề tờ giấy kiểm tra, ngay cạnh ý được chấm). Đối với bài kiểm tra phải nộp về trường quản lý thì giáo viên phải ký và ghi rõ họ tên vào ô qui định của tờ làm bài. Điểm của toàn bài được ghi bằng mực đỏ, nếu có sự thay đổi điểm thì gạch chéo điểm đã cho và ghi điểm mới bằng cả số và chữ rồi giáo viên chấm ký tên xác nhận việc sửa chữa. Trong quá trình chấm giáo viên quản lý bài được giao. Không một ai tự ý thay đổi điểm bài thi đã chấm. Nếu

có sự thay đổi điểm phải được sự thống nhất của tổ trưởng chuyên môn và Cán bộ quản lý. Quy định làm tròn điểm bài thi môn tự luận:

- Từ 5,25 làm tròn thành 5,3

- Từ 7,75 làm tròn thành 7,8

Điều 14. Phúc khảo bài kiểm tra

Sau khi phát bài kiểm tra, nếu học sinh muốn phúc khảo bài kiểm tra thì làm đơn xin phúc khảo gửi Cán bộ quản lý nhà trường trong thời gian quy định.

Phó Hiệu trưởng quản lý tổng hợp và phân công giáo viên chấm phúc khảo (có ghi biên bản chấm).

Điểm phúc khảo nếu có sự chênh lệch từ 01 điểm trở lên đối với bài kiểm tra 1 tiết và 0,5 điểm trở lên đối với bài kiểm tra học kỳ so với điểm chấm lần đầu, giáo viên bộ môn xin phiếu điều chỉnh điểm từ Phó Hiệu trưởng và gửi nhân viên quản lý nhập điểm điều chỉnh điểm trên hệ thống.

CHƯƠNG V

YÊU CẦU TRONG CÔNG TÁC TỔ CHỨC KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

1. Thực hiện kỳ kiểm tra nghiêm túc, qua đó đánh giá đúng thực chất chất lượng dạy học.

2. Xây dựng kế hoạch kiểm tra thường xuyên, định kỳ, học kỳ theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Phòng Giáo dục; triển khai kế hoạch kiểm tra trong Hội đồng sư phạm (lich kiểm tra, chấm bài, trả sửa bài kiểm tra, vào điểm, cộng điểm, phê học bạ, và thống kê báo cáo của trường...); Hiệu trưởng sinh hoạt kỹ nội quy coi kiểm tra cho giáo viên trong Hội đồng sư phạm nhà trường (nhắc nhở cụ thể việc coi kiểm tra nghiêm túc, trong quá trình coi kiểm tra không mang đồ dùng cá nhân lên phòng, tuyệt đối không sử dụng điện thoại, đọc báo trong lúc coi kiểm tra...) và sinh hoạt kỹ nội quy kiểm tra cho toàn thể học sinh (đến đúng giờ, những vật dụng được mang vào phòng kiểm tra, không được trao đổi, bàn bạc, không quay cốp và làm mất trật tự, ...)

3. Đánh giá bằng cho điểm kết quả thực hiện các yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng và thái độ đối với từng chủ đề thuộc môn học theo quy định trong chương trình giáo dục phổ thông cấp THCS do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành;

4. Đánh giá bằng nhận xét sự tiến bộ về thái độ, hành vi trong việc rèn luyện đạo đức, lối sống của học sinh theo nội dung môn học quy định trong chương trình giáo dục phổ thông cấp THCS do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trong mỗi học kỳ, cả năm học.

5. Đánh giá mức độ tiến bộ của học sinh yếu kém bộ môn.

CHƯƠNG VI QUẢN LÝ ĐIỂM

Điều 15. Quy định về việc cập nhật điểm trong Sổ điểm điện tử

- a) Giáo viên bộ môn trực tiếp nhập điểm vào Sổ điểm điện tử theo định kỳ.
- b) Điểm số được cập nhật vào Sổ điểm điện tử phải thống nhất với điểm trong sổ ghi điểm giấy của cá nhân.
- c) Cán bộ quản lý định kỳ kiểm tra tiến độ, tỷ lệ đánh giá điểm kiểm tra theo quy định vào cuối mỗi tháng của năm học. Kết quả kiểm tra lấy làm căn cứ xếp loại việc thực hiện tiến độ kiểm tra, đánh giá học sinh mỗi tháng/học kỳ.
- d) Việc điều chỉnh các sai sót trong quá trình nhập thông tin, điểm số trên hệ thống quản lý điểm phải được sự cho phép của Hiệu trưởng theo đề nghị của giáo viên bộ môn và được ghi nhận đầy đủ các điều chỉnh trong hồ sơ lưu trữ.

CHƯƠNG VII THANH TRA, KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 16. Thanh tra

Ban Thanh tra nhân dân phân công các thành viên làm nhiệm vụ giám sát, đôn đốc việc thực hiện Quy chế coi kiểm tra trong tất cả các đợt kiểm tra tập trung.

Điều 17. Khen thưởng

Tùy theo tình hình thực tế, Hiệu trưởng quyết định nội dung, hình thức khen thưởng cho các cán bộ giáo viên, học sinh có thành tích, hoàn thành tốt nhiệm vụ trong các đợt kiểm tra.

Điều 18. Xử lý vi phạm

1. Đối với việc ra đề kiểm tra: Tổ trưởng chuyên môn phân công cụ thể từng giáo viên trong tổ ra đề và ghi biên bản cụ thể (Không thỏa thuận miệng). Nếu giáo viên để xảy ra sai phạm trong việc đề kiểm tra (không ra đề, nộp đề trễ, đề không đúng theo cấu trúc nội dung tổ, nhóm chuyên môn thống nhất, ra sai kiến thức, câu hỏi trong đề kiểm tra đã cho học sinh làm trước đó, ...). Hiệu trưởng nhà trường sẽ có quyết định xử lý trong từng trường hợp như trừ điểm thi đua, hạ bậc thi đua, ...)
2. Đối với việc coi kiểm tra: Nếu giáo viên bộ môn đi trễ hoặc vắng coi kiểm tra thì hình thức xử lý tính như trễ hoặc vắng tiết dạy. Các vi phạm khác của giáo viên trong quá trình coi thi, coi kiểm tra tùy hình thức mức độ vi phạm, Hiệu trưởng có biện pháp xử lý kỷ luật cụ thể.
3. Đối với việc chấm bài kiểm tra: Tùy hình thức, mức độ vi phạm, Hiệu trưởng có biện pháp xử lý kỷ luật cụ thể.

CHƯƠNG VIII TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 19. Cán bộ quản lý

Chủ trì thành lập, chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ.

Điều 20. Giáo viên bộ môn

a. Thực hiện đầy đủ số lần kiểm tra; trực tiếp chấm bài kiểm tra, ghi điểm hoặc mức nhận xét (đối với các môn kiểm tra bằng nhận xét), ghi nội dung nhận xét của người chấm vào bài kiểm tra; trực tiếp ghi điểm hoặc mức nhận xét (đối với các môn kiểm tra bằng nhận xét) vào sổ gọi tên và ghi điểm; đối với hình thức kiểm tra miệng, giáo viên phải nhận xét, góp ý kết quả trả lời của học sinh trước lớp, nếu quyết định cho điểm hoặc ghi nhận xét (đối với các môn kiểm tra bằng nhận xét) vào sổ gọi tên và ghi điểm thì phải thực hiện ngay sau đó.

b. Tính điểm trung bình môn học (đối với các môn học đánh giá bằng cho điểm), xếp loại nhận xét môn học (đối với các môn học đánh giá bằng nhận xét) theo học kỳ, cả năm học và trực tiếp ghi vào sổ gọi tên và ghi điểm, vào học bạ.

c. Tham gia đánh giá, xếp loại hạnh kiểm từng học kỳ, cả năm học của học sinh.

Điều 21. Giáo viên chủ nhiệm

a. Kiểm tra sổ gọi tên và ghi điểm của lớp; giúp Hiệu trưởng theo dõi việc kiểm tra cho điểm, mức nhận xét theo quy định của Quy chế này.

b. Tính điểm trung bình các môn học theo học kỳ, cả năm học; xác nhận việc sửa chữa điểm, sửa chữa mức nhận xét của giáo viên bộ môn trong sổ gọi tên và ghi điểm, trong học bạ.

c. Đánh giá, xếp loại kết quả rèn luyện và học tập từng học kỳ, cả năm học của học sinh. Lập danh sách học sinh đề nghị cho lên lớp, không được lên lớp; học sinh được công nhận là học sinh giỏi, học sinh tiên tiến; học sinh phải kiểm tra lại các môn học, học sinh phải rèn luyện hạnh kiểm trong kỳ nghỉ hè.

d. Lập danh sách học sinh đề nghị khen thưởng cuối học kỳ, cuối năm học.

e. Ghi vào sổ gọi tên và ghi điểm và vào học bạ các nội dung sau đây:

- Kết quả đánh giá, xếp loại hạnh kiểm và học lực của học sinh;
- Kết quả được lên lớp hoặc không được lên lớp, công nhận học sinh giỏi, học sinh tiên tiến học kỳ, cả năm học, được lên lớp sau khi kiểm tra lại hoặc rèn luyện hạnh kiểm trong kỳ nghỉ hè;

- Nhận xét đánh giá kết quả rèn luyện toàn diện của học sinh trong đó có học sinh có năng khiếu các môn học đánh giá bằng nhận xét.

f. Phối hợp với Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh và Ban Đại diện cha mẹ học sinh của lớp tổ chức các hoạt động giáo dục học sinh.

Phụ lục: CÁC CỘT ĐIỂM KIỂM TRA QUY ĐỊNH

KHỐI	MÔN	TỔNG SỐ TIẾT/NĂM	SỐ CỘT ĐIỂM								GHI CHÚ
			HỌC KÌ I			Số cột điểm HKI	HỌC KÌ II			Số cột điểm HKII	
			Hệ số 1	Hệ số 2	Hệ số 3		Hệ số 1	Hệ số 2	Hệ số 3		
			KTTX	KTGK	KTCK		KTTX	KTGK	KTCK		
6	NGỮ VĂN	140	4	1	1	6	4	1	1	6	
	TOÁN	140	4	1	1	6	4	1	1	6	
	TIẾNG ANH	105	4	1	1	6	4	1	1	6	
	KHTN	140	4	1	1	6	4	1	1	6	
	LS - ĐL	105	4	1	1	6	4	1	1	6	
	GDCD	35	2	1	1	4	2	1	1	4	
	CÔNG NGHỆ	35	2	1	1	4	2	1	1	4	
	GDTC	70	2	1	1	4	2	1	1	4	
	NGHỆ THUẬT	70	2	1	1	4	2	1	1	4	
	TIN HỌC	35	2	1	1	4	2	1	1	4	
	HĐTN-HN	105	2	1	1	4	2	1	1	4	
GDDP	35	2	1	1	4	2	1	1	4		
7	NGỮ VĂN	140	4	1	1	6	4	1	1	6	
	TOÁN	140	4	1	1	6	4	1	1	6	
	TIẾNG ANH	105	4	1	1	6	4	1	1	6	
	KHTN	140	4	1	1	6	4	1	1	6	
	LS - ĐL	105	4	1	1	6	4	1	1	6	
	GDCD	35	2	1	1	4	2	1	1	4	
	CÔNG NGHỆ	35	2	1	1	4	2	1	1	4	
	GDTC	70	2	1	1	4	2	1	1	4	
	NGHỆ THUẬT	70	2	1	1	4	2	1	1	4	
	TIN HỌC	35	2	1	1	4	2	1	1	4	
	HĐTN-HN	105	2	1	1	4	2	1	1	4	
GDDP	35	2	1	1	4	2	1	1	4		
8	NGỮ VĂN	140	4	1	1	6	4	1	1	6	
	TOÁN	140	4	1	1	6	4	1	1	6	
	TIẾNG ANH	105	4	1	1	6	4	1	1	6	
	VẬT LÝ	35	2	1	1	4	2	1	1	4	
	HÓA HỌC	70	3	1	1	5	3	1	1	5	
	SINH HỌC	70	3	1	1	5	3	1	1	5	
	LỊCH SỬ	52	3	1	1	5	3	1	1	5	
	ĐỊA LÝ	52	3	1	1	5	3	1	1	5	
	GDCD	35	2	1	1	4	2	1	1	4	
	CÔNG NGHỆ	53	3	1	1	5	3	1	1	5	
	THỂ DỤC	70	3	1	1	5	3	1	1	5	

